

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Sao ✓ bản Chính
Ngày 06 tháng 03 năm 2013
CHÍNH ĐỒ



TRẦN QUYẾT THẮNG

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Dương tiền thân là Nông Trường Cây Trường; là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 82/QĐ – UB ngày 15 tháng 10 năm 1992 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Sông Bé. Nông Trường hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 103721 ngày 18 tháng 12 năm 1992 do Trọng Tài Kinh Tế tỉnh Sông Bé cấp.

Trong quá trình hoạt động, Nông Trường đã được cấp bổ sung Giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh lần thứ nhất ngày 09 tháng 06 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp chuẩn y việc bổ sung ngành nghề “dịch vụ vận chuyển hàng hóa”.

Ngày 08 tháng 06 năm 2010 Nông trường đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước Nông trường Cây Trường thành Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Dương do Sở kế hạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp với mức vốn điều lệ đăng ký là 8.848.045.430 VND

- **Vốn điều lệ : 8.848.045.430 VND**

- **Trụ sở hoạt động:**

Địa chỉ : Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : (0650) 3586038

Fax : (0650) 3586082

Mã số thuế : 3 7 0 0 2 4 8 7 3 1

- Hoạt động chính của Công ty: Trồng mía và các cây công nghiệp, dịch vụ vận chuyển hàng hóa.

Ban Quản lý, điều hành

Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Ban Giám đốc

Họ và tên

Ông Vũ Duy Viên

Bà Phạm Thị Giới

Ông Nguyễn Tấn Khương

Ông Trần Quyết Thắng

Chức vụ

Giám đốc

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 30).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

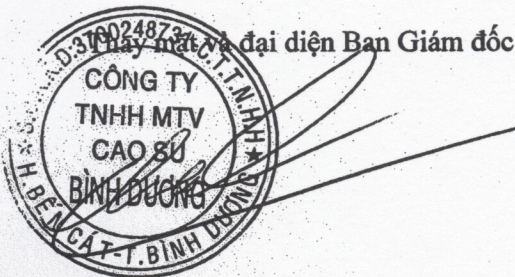
- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Công bố của Ban Giám Đốc

Theo ý kiến của Ban Giám Đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



VŨ DUY VIÊN - Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, ngày 17 tháng 05 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 17 tháng 05 năm 2013, từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Dương. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Hạn chế của cuộc kiểm toán

- Do hạn chế từ phía Công ty, Kiểm toán viên không thể tham gia kiểm kê tiền mặt và hàng tồn kho vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như không có điều kiện áp dụng các phương pháp thay thế khác. Vì vậy số lượng và giá trị của chỉ tiêu tiền mặt và hàng tồn kho trên báo cáo tài chính được ghi nhận theo số liệu trên báo cáo tài chính đơn vị cung cấp.
- Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi vẫn chưa nhận được thư xác nhận công nợ của các khoản sau:

- Khoản phải thu khách hàng (Xem thuyết minh số V.2)	1.821.100.017 VND
- Khoản trả trước người bán (Xem thuyết minh số V.3)	10.269.113.799 VND
- Khoản phải thu khác (Xem thuyết minh số V.4)	5.153.196.040 VND
- Khoản tạm ứng (Xem thuyết minh số V.7)	612.778.090 VND
- Khoản vay ngắn hạn (Xem thuyết minh số V.10)	2.418.000.000 VND
- Khoản phải trả người bán (Xem thuyết minh số V.11)	6.860.779.461 VND
- Khoản người mua trả trước (Xem thuyết minh số V.12)	4.351.862.403 VND
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (Xem thuyết minh số V.15)	915.221.164 VND

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo.)

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những hạn chế nêu trên (nếu có) đến một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính, các chỉ tiêu còn lại trên Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Dương tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên Chúng tôi chỉ lưu ý với người đọc báo cáo này rằng vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 35.231.618.518 VND Công ty chưa có quyết định của đơn vị chủ quản và điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 05 năm 2013



VÕ THỊ THU HƯƠNG – Phó Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0455/KTV

NGUYỄN THỊ THƠM - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0787/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		58.794.638.722	23.619.924.524
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		22.882.302.359	6.088.417.953
Tiền	111	V.1	22.882.302.359	6.088.417.953
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130		27.550.932.880	15.924.244.200
1. Phải thu của khách hàng	131	V.2	1.821.100.017	2.485.888.655
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	20.574.748.900	8.484.091.969
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	5.155.083.963	4.954.263.576
4. Dự phòng phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		4.306.877.175	355.353.261
Hàng tồn kho	141	V.5	4.306.877.175	355.353.261
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.054.526.308	1.251.909.110
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	192.388.648	311.767.322
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.249.359.570	439.643.770
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		-	3.019.928
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	612.778.090	497.478.090
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		77.871.976.858	34.383.096.259
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		77.871.976.858	34.383.096.259
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	22.348.489.438	23.150.356.386
Nguyên giá	222		31.736.224.969	29.934.989.023
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.387.735.531)	(6.784.632.637)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	55.523.487.420	11.232.739.873
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		136.666.615.580	58.003.020.783

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		85.190.707.404	12.779.969.720
I. Nợ ngắn hạn	310		49.861.231.404	10.573.630.065
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	26.859.194.334	6.684.500.000
2. Phải trả cho người bán	312	V.11	13.596.936.562	987.787.360
2. Người mua trả tiền trước	313	V.12	4.351.862.403	78.192.403
3. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.13	2.367.888.828	1.134.055.629
4. Phải trả công nhân viên	315		1.756.035.346	1.153.584.954
5. Chi phí phải trả	316	V.14	-	15.000.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15	915.221.164	520.509.719
7. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		14.092.767	-
II. Nợ dài hạn	330		35.329.476.000	2.206.339.655
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	35.329.476.000	1.973.500.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	232.839.655
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		51.475.908.176	45.223.051.063
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	51.475.908.176	45.223.051.063
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		34.343.283.057	30.803.835.167
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.506.751.732	10.470.580.304
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.625.873.387	3.948.635.592
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.18	-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		136.666.615.580	58.003.020.783

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ (USD)		-	-



VŨ DUY VIÊN

Giám đốc

(Signature)

TRẦN QUYẾT THẮNG

Kế toán trưởng

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

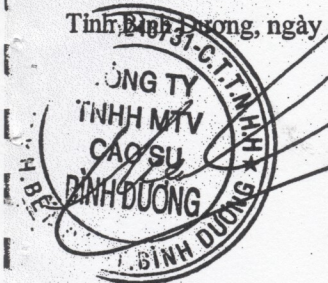
Năm 2012

Mẫu B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		65.478.468.692	56.899.027.327
2. Các khoản giảm trừ	03		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	65.478.468.692	56.899.027.327
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	46.754.330.631	18.514.421.201
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.724.138.061	38.384.606.126
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	10.978.900	21.995.214
7. Chi phí tài chính	22	VL4	1.698.484.100	1.422.279.268
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.698.484.100	1.422.279.268
8. Chi phí bán hàng	24		64.594.450	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL5	8.046.895.813	7.399.627.779
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.925.142.598	29.584.694.293
11. Thu nhập khác	31	VL6	881.535.337	1.148.490.820
12. Chi phí khác	32		-	
13. Lợi nhuận khác	40		881.535.337	1.148.490.820
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		9.806.677.935	30.733.185.113
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VL7	1.742.752.455	5.479.225.345
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		8.063.925.480	25.253.959.768

Tỉnh Bình Dương, ngày 17 tháng 05 năm 2013



VŨ DUY VIÊN

Giám đốc

TRẦN QUYẾT THẮNG

Kế toán trưởng

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

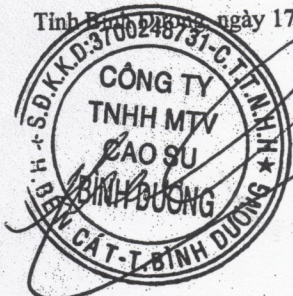
Năm 2012

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		9.806.677.934	30.733.185.113
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			4.290.608.094	3.745.600.321
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.603.102.894	2.142.734.115
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.978.900)	180.586.938
- Chi phí lãi vay	06		1.698.484.100	1.422.279.268
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		14.097.286.028	34.478.785.434
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14.548.684.552)	(8.228.284.866)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.951.523.914)	(252.594.832)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(7.865.191.982)	(6.824.593.068)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		119.378.674	(289.231.031)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.669.250.480)	(1.422.279.268)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(496.753.210)	(7.405.677.665)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(961.522.551)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(14.314.739.436)	9.094.602.153
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(47.518.278.949)	(6.558.725.428)
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.978.900	21.995.214
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(47.507.300.049)	(6.536.730.214)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		70.105.259.852	11.534.500.000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		16.574.589.518	(10.568.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		86.679.849.370	966.500.000
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		24.857.809.885	3.524.371.939
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60		6.088.417.953	2.564.046.014
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	70	V.1	22.882.302.359	6.088.417.953

Tỉnh Bình Dương, ngày 17 tháng 05 năm 2013



VŨ DUY VIÊN

Giám đốc

TRẦN QUYẾT THẮNG

Kế toán trưởng

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Mẫu B 09-DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Dương (sau đây gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Trồng trọt
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Trồng cây công nghiệp.
4. **Nhân viên** : Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 189 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 186 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là năm tài chính thứ 3 của Công ty kể từ khi chuyển thành Công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà nước.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong kỳ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Các thay đổi chính sách kế toán và áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam: Vào ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Thông tư 210 có hiệu lực áp dụng kể từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh theo yêu cầu của Thông tư này tại các Thuyết minh VIII.2.

Thông tư 180/2012/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp: Vào ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư 180/2012/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp ("Thông tư 180"). Thông tư 180 có hiệu lực áp dụng từ ngày 10 tháng 12 năm 2012.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên;

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Những chi phí mua sắm và chăm sóc cây lâu năm được tính vào giá trị tài sản cố định và được đưa vào khai thác sau 07 năm. Các chi phí không thoả mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

Số năm khấu hao của các nhóm Tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	40
Máy móc thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải	10
Cây lâu năm	20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các dự án đầu tư vườn cây cao su, chi phí xây dựng cơ bản các công trình tại ngày kết thúc niên độ.

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí mua sắm tài sản cố định của đơn vị là chi phí mua máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.

Chi phí đầu tư vườn cây cao su

Chi phí đầu tư vườn cây cao su bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để trồng mới, chăm sóc các dự án trồng cây cao su của Công ty. Thời gian đầu tư cho vườn cây cao su từ 5 đến 7 năm; sau thời gian này, vườn cây cao su sẽ được tiến hành khai thác, Công ty sẽ thực hiện việc kết chuyển sang tài sản cố định và trích khấu hao như các tài sản khác.

Chi phí đầu tư vườn cây cao su từ năm 2003 đến năm 2009.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, và phí lãi vay liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại thời điểm kết thúc niên độ.

Chi phí xây dựng cơ bản cho nhà máy chế biến cao su, chi phí đường lô nội bộ cao su, nhà làm việc.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

10. Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thuế thu nhập phải nộp trong năm hiện tại và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích Báo cáo tài chính.

Thuế TNDN hàng năm bằng 25% thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

12. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Nguồn vốn Ngân sách Nhà nước
- Nguồn vốn bổ sung hàng năm theo Quyết định của Chi cục tài chính doanh nghiệp tỉnh Bình Dương.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tổi thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tổi sai sót trọng yếu của các năm trước.

Công ty trích lập quỹ theo thông tư 138/2010/TT-BTC ban hành ngày 17 tháng 09 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc Hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với diện tích cao su khoán cho các hộ nhận khoán, doanh thu ghi nhận dựa trên sản lượng khoán. Đối với cao su Công ty tự khai thác thì doanh thu được ghi nhận khi bán mù cho các đại lý thu mua, đồng thời phát hành hóa đơn giá trị gia tăng.

Doanh thu tài chính được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
(a) Tiền mặt	2.858.627.974	5.253.835.660
- Tiền mặt VND	2.858.627.974	5.253.835.660
(b) Tiền gửi ngân hàng	20.023.674.385	834.582.293
Ngân hàng NN & PT Nông Thôn Việt Nam	5.467.393	70.989.979
VND	5.467.393	70.989.979
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam	20.007.610.213	753.134.307
VND	20.007.610.213	753.134.307
Ngân hàng Quốc tế Việt Nam	10.596.779	10.458.007
VND	10.596.779	10.458.007
Tổng cộng	22.882.302.359	6.088.417.953

2. Phải thu của khách hàng

Công ty Cao Su Sông Bé	1.821.100.017	2.485.888.655
Cộng (*)	1.821.100.017	2.485.888.655

Ghi chú: (*) Số tiền chưa nhận được thư xác nhận 1.821.100.017 VND

3. Trả trước người bán

Công ty Cơ khí Cao su	-	3.550.957.579
Công ty TNHH MTV Hoa Phú	144.769.870	144.769.870
Công ty TNHH Tư vấn thiết kế xây dựng Liên An (*)	1.281.162.000	400.000.000
DNTN Hòa Vinh	207.110.324	-
Công ty TNHH MTV SX & XD Hoàn Tất Thành	30.000.000	-
Ông Phan Văn Minh	166.576.085	-
Ông Ngô Xuân Phú	43.852.520	43.852.520
Ông Nguyễn Văn Minh (*)	1.953.970.000	-
Ông Trần Xuân Thạc	15.000.000	-
Ông Trần Tấn Phước Thịnh (*)	15.298.241.457	2.798.366.000
Bà Nguyễn Thị Tứ	1.207.920.644	-
Tài nguyên môi trường	-	1.450.000.000
Ông Phạm Xuân Việt	226.146.000	96.146.000
Cộng (*)	20.574.748.900	8.484.091.969

Ghi chú: (*) Trong đó, số tiền đã nhận được Hóa đơn Giá trị gia tăng sau niên độ của người bán là 10.305.635.101 VND.

Công nợ chưa nhận được Thư xác nhận và Hóa đơn Giá trị gia tăng sau niên độ của người bán là 10.269.113.799 VND.

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

4. Phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	1.887.923	325.973
Trần Thanh Ngọc	125.565.125	107.950.125
Công nhân nghỉ việc	173.551.200	173.551.200
Tiền đầu tư chưa thu (Ông Cư)	326.676.846	326.676.846
Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	141.760.410	125.026.160
Tiền đầu tư chưa thu (Bà Hương)	313.926.577	313.926.577
Trần Cao Kinh	76.263.917	81.085.032
Lê Văn Khánh	242.324.339	224.815.029
Lương Văn Thanh	34.420.000	30.635.000
Phải thu hộ nhận khoán sản lượng mủ cao su	254.097.058	254.097.058
Nguyễn Thị Thanh	10.240.052	17.105.500
Thuế TNCN	59.628.090	-
Nguyễn Thùy Trang	218.323.787	201.237.237
Nguyễn Thị Tứ	15.011.272	23.366.970
Trần Thùy Vân	254.063.850	236.448.850
Vũ Duy Viên	195.173.970	110.340.130
Nguyễn Thị Yến	157.078.144	145.346.554
Nguyễn Đăng Tám	1.484.500	3.666.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi chi vượt chưa có nguồn bù đắp	302.095.029	24.435.720
Phải thu hộ giao khoán	2.251.511.874	2.554.227.615
Cộng (*)	5.155.083.963	4.954.263.576

Ghi chú: (*) Số tiền chưa nhận được thư xác nhận: 5.153.196.040 VND

5. Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu	1.115.868.752	201.702.120
- Phân bón	781.435.148	183.804.378
- Thuốc sâu, diệt cỏ	334.433.604	17.897.742
Công cụ dụng cụ	323.537.554	153.651.141
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.057.271.298	-
Thành phẩm	1.810.199.571	-
Cộng	4.306.877.175	355.353.261

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
Chi phí Công cụ dụng cụ	193.105.000	393.004.375	393.720.727	192.388.648
Điều chỉnh 50% chi phí đồ dùng VP sở tài chính 2011	118.662.322	-	118.662.322	-
Cộng	311.767.322	393.004.375	512.383.049	192.388.648

7. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Nguyễn Đức Hải	25.000.000	-
Ông Nguyễn Quốc Lộ	30.000.000	-
Ông Đặng Tiến Nam	48.000.000	48.000.000
Ông Ngô Xuân Phú	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Thanh Quân	227.521.915	192.521.915
Bà Vũ Ngọc Quỳnh	-	5.000.000
Bà Huỳnh Ngọc Thuý	36.000.000	11.382.903
Đối tượng khác	216.256.175	210.573.272
Cộng (*)	612.778.090	497.478.090

Ghi chú: (*) Số dư khoản tạm ứng chưa nhận được thư xác nhận: 612.778.090 VND

8. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Cộng TSCĐ hữu hình
I. Nguyên giá							
1. Số đầu năm	7.216.537.003	223.808.300	765.357.100	431.166.200	16.836.966.069	4.461.154.351	29.934.989.023
2. Tăng trong năm	793.853.208	-	-	-	-	1.007.382.738	1.801.235.946
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	8.010.390.211	223.808.300	765.357.100	431.166.200	16.836.966.069	5.468.537.089	31.736.224.969
II. Hao mòn lũy kế							
1. Số đầu năm	1.401.656.684	14.123.982	628.873.801	118.106.188	3.166.345.499	1.455.526.483	6.784.632.637
2. Tăng trong năm	738.293.332	31.427.539	109.711.944	72.074.232	841.848.307	809.747.540	2.603.102.894
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	2.139.950.016	45.551.521	738.585.745	190.180.420	4.008.193.806	2.265.274.023	9.387.735.531
III. Giá trị còn lại							
1. Số đầu năm	5.814.880.319	209.684.318	136.483.299	313.060.012	13.670.620.570	3.005.627.868	23.150.356.386
2. Số cuối năm	5.870.440.195	178.256.779	26.771.355	240.985.780	12.828.772.263	3.203.263.066	22.348.489.438

Trong đó:

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng: 469.424.500 VND

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Cao su trồng năm 2005	1.714.460.118	339.655.312	-	2.054.115.430
Cao su trồng năm 2006	2.351.884.365	215.944.450	-	2.567.828.815
Cao su trồng năm 2009	751.822.743	276.772.618	-	1.028.595.361
Nhà máy chế biến mủ	5.090.557.701	43.809.485.452	-	48.900.043.153
Nhà làm việc	793.853.208	-	793.853.208	-
Công trình hạng mục khác	130.161.738	-	130.161.738	-
Đường Lô Nội Đồng	400.000.000	-	400.000.000	-
Máy Tính	-	15.781.819	-	15.781.819
Máy phát điện	-	35.454.544	-	35.454.544
Hệ thống cân xe ô tô 60 tấn	-	245.000.000	-	245.000.000
Xe nâng dầu	-	545.000.000	-	545.000.000
Đường lô nội bộ cao su	-	877.221.000	877.221.000	-
Mương thoát nước	-	131.668.298	-	131.668.298
Cộng	11.232.739.873	46.491.983.493	2.201.235.946	55.523.487.420

10. Vay và nợ ngắn hạn

	Đầu năm	Vay trong năm	Đã trả trong năm	Nợ dài hạn đến hạn trả	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	6.684.500.000	30.504.283.852	16.074.589.518	-	21.114.194.334
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>5.134.500.000</i>	<i>26.186.283.852</i>	<i>12.624.589.518</i>	<i>-</i>	<i>18.696.194.334</i>
Ngân hàng NN&PT Nông Thôn Bến Cát	5.134.500.000	8.368.300.000	7.774.500.000	-	5.728.300.000
HD 5503-LAV-201003911	3.334.500.000	-	3.334.500.000	-	-
HD2011-CSBD	1.800.000.000	8.368.300.000	4.440.000.000	-	5.728.300.000
Ngân hàng BIDV	-	17.817.983.852	4.850.089.518	-	12.967.894.334
HD 02/4147269	-	12.261.289.470	4.850.089.518	-	7.411.199.952
108/2012/DN/HĐ	-	5.556.694.382	-	-	5.556.694.382
<i>Vay cá nhân</i>	<i>1.550.000.000</i>	<i>4.318.000.000</i>	<i>3.450.000.000</i>	<i>-</i>	<i>2.418.000.000</i>
Vũ Văn Dược	100.000.000	118.000.000	100.000.000	-	118.000.000
Trần Thị Tuyết	150.000.000	200.000.000	150.000.000	-	200.000.000
Phạm Thị Tuyết Nhung	1.300.000.000	1.400.000.000	2.700.000.000	-	-
Nguyễn Thanh Quân	-	500.000.000	500.000.000	-	-
Nguyễn Đăng Năm	-	300.000.000	-	-	300.000.000
Nguyễn Xuân Diệu	-	500.000.000	-	-	500.000.000
Trần Ngọc Chinh	-	1.300.000.000	-	-	1.300.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	5.745.000.000	5.745.000.000
<i>Ngân hàng NN&PT Nông Thôn Bến Cát</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>4.245.000.000</i>	<i>4.245.000.000</i>

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Đầu năm	Vay trong năm	Đã trả trong năm	Nợ dài hạn đến hạn trả	Số cuối năm
10.1402.0002/HĐT D	-	-	-	245.000.000	245.000.000
CSBD/2012-TH/HĐTD	-	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Ngân hàng BIDV	-	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000
HD 01/4147269	-	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	6.684.500.000	30.504.283.852	16.074.589.518	5.745.000.000	26.859.194.334

Ngân hàng NN&PT Nông Thôn Bến Cát

Hợp đồng vay số 2011-CSBD/HĐTD ngày 22 tháng 12 năm 2011

- + Hạn mức vay : 6.500.000.000 VND
- + Số dư nợ vay cuối năm : 5.728.300.000 VND
- + Lãi vay : Theo từng lần nhận nợ vay.
- + Thời hạn vay : 12 tháng
- + Mục đích vay : Chăm sóc và khai thác vườn cây cao su.
- + Tài sản đảm bảo : Theo hợp đồng số 57/HĐTD/09 ngày 08/09/2009

Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam BIDV- CN Mỹ Phước

Hợp đồng vay số 108/2012/DN/HĐ ngày 24 tháng 12 năm 2012

- + Hạn mức vay : 55.000.000.000 VND
- + Số dư nợ vay cuối năm : 5.556.694.382 VND
- + Lãi vay : Theo từng khế ước nhận nợ
- + Thời hạn vay : 06 tháng
- + Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh
- + Tài sản đảm bảo : Tài sản gắn liền trên đất (cây cao su) theo hợp đồng thế chấp số 01/4147269 ngày 25/04/2012 và 16/2012/DN/HĐ ngày 24/12/2012.
Tài sản gắn liền trên đất (nhà xưởng đang xây dựng) theo hợp đồng thế chấp số 02/4147269 /HĐTC ngày 25/04/2012

Hợp đồng vay số 02/4147269 ngày 25 tháng 04 năm 2012

- + Hạn mức vay : 10.000.000.000 VND
- + Số dư nợ vay cuối năm : 7.411.199.952 VND
- + Lãi vay : Theo từng khế ước nhận nợ
- + Thời hạn vay : 12 tháng
- + Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh
- + Tài sản đảm bảo : Tài sản gắn liền trên đất (cây cao su) theo hợp đồng thế chấp số 01/4147269 ngày 25/04/2012 và 16/2012/DN/HĐ ngày 24/12/2012.
Tài sản gắn liền trên đất (nhà xưởng đang xây dựng) theo hợp đồng thế chấp số 02/4147269 /HĐTC ngày 25/04/2012



CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tên cá nhân cho vay	Vũ Văn Được	Trần Thị Tuyết	Nguyễn Đăng Năm	Nguyễn Xuân Diệu	Trần Ngọc Chính
Số HĐ	42/2012/HĐVV- CSBD	44/2012/HĐVV- CSBD	06/2012/HĐVV- CSBD	08/2012/HĐVV- CSBD	09/2012/HĐVV- CSBD
Ngày HĐ	03/08/2012	01/10/2012	22/02/2012	13/03/2012	15/03/2012
Số tiền cho vay - VND	118.000.000	200.000.000	300.000.000	500.000.000	1.300.000.000
Số dư nợ vay cuối năm	118.000.000	200.000.000	300.000.000	500.000.000	1.300.000.000
Thời hạn vay	12 tháng	12 tháng	05 tháng	06 tháng	12 tháng
Lãi suất	1,17%/ tháng	1,17%/ tháng	1,46%/ tháng	1,46%/ tháng	1,46%/ tháng

Nợ dài hạn đến hạn trả: Xem thuyết minh số VI.16

11. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cơ khí Cao su (*)	10.086.248.370	-
Công ty TNHH TM Hưng Phát Thành	383.756.918	-
Công ty TNHH SX TM & DV Việt Trường Hải (*)	87.450.000	-
Công ty TNHH XD Điện Hiếu Hoàng	-	103.948.050
DNTN Đức Nhựt (*)	47.806.000	-
Nguyễn Thị Cẩm Giang	273.625.028	-
DNTN Hòa Vinh	-	267.690.004
Lê Trọng Kết	107.361.354	107.361.354
Công ty TNHH Khánh Hưng	134.999.700	-
Nguyễn Quốc Lộ	33.826.549	33.826.549
Lê Thị Thanh Thúy	277.839.567	-
Nguyễn Minh Mẫn	316.359.878	-
Nguyễn Văn Phúc	215.366.456	-
Nguyễn Thanh Quang	364.306.919	-
Tạ Xuân Tích	1.750.860	1.750.860
Trần Nư Hải	279.731.485	-
Tài nguyên môi trường	215.025.000	-
Nguyễn Khắc Tòng	763.370.198	-
Vật liệu xây dựng	-	473.210.543
Nguyễn Đăng Tám	8.112.280	-
Cộng	13.596.936.562	987.787.360

Ghi chú: (*) Trong đó, Công nợ đã nhận được thư xác nhận và hồ sơ thanh toán sau niên độ là 6.736.157.101VND.

Công nợ chưa nhận được thư xác nhận: 6.860.779.461VND

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

12. Người mua trả trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP DT & TM DV Bảo Bình	600.000	-
Công ty CP DT&TM Dic	1.283.400.000	-
Nguyễn Đăng Tám	27.230.000	-
Hộ nhận khoán	78.192.403	78.192.403
Công ty TNHH XNK Phú An	2.962.440.000	-
Cộng (*)	4.351.862.403	78.192.403

Ghi chú: (*)Số dư công nợ chưa nhận được thư xác nhận là 4.351.862.403 VND

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Stt	Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải nộp cuối năm
I.	Thuế	1.121.889.583	3.462.040.455	2.216.041.210	2.367.888.828
1.	Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.719.288.000	1.719.288.000	-
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.121.889.583	1.742.752.455	496.753.210	2.367.888.828
3.	Các loại thuế khác	9.146.118	1.952.417.045	1.961.563.091	-
	- Thuế thu nhập cá nhân	12.166.046	100.053.245	112.219.291	-
	- Tiền thuê đất	(3.019.928)	1.850.363.800	1.847.343.800	-
	- Thuế môn bài	-	2.000.000	2.000.000	-
II.	Các khoản phải nộp khác	-	7.766.810	7.766.810	-
	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	7.766.810	7.766.810	-
	Cộng	1.131.035.701	5.422.224.310	4.185.371.111	2.367.888.828

- Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng :

+ Bán mủ cao su tươi : Không chịu thuế

+ Bán mủ cao su đã qua sơ chế : 10%

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

(Xem thuyết minh VI.7)

- Tiền thuê đất

Tiền thuê đất phải trả cho nhà nước theo hợp đồng thuê đất 1009/HĐTD ngày 18 tháng 05 năm 2009. Diện tích thuê là 12.103.412,4 m², giá thuê đất trồng cây cao su 151 đồng/m²/năm. Đất sản xuất kinh doanh là 714 đồng/m²/năm. Từ năm 2006 đến năm 2010 Công ty được giảm 50% tiền thuê đất nông nghiệp.

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

14. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	-	15.000.000
Cộng	-	15.000.000

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Phải trả khác	286.487.825	-
Trần Thị Bắc	262.000.000	-
Thu BHXH của CNV	24.487.825	-
Đất Thổ cư	159.230.000	159.230.000
Giữ lương công nhân khai thác mỏ (vi phạm - ghi nhận tháng 7/2011)	8.045.000	8.045.000
Kho bạc NN	95.876.200	95.876.200
Các khoản phải trả khác	1.948.004	1.948.004
Phải thu HNK công đoạn (theo thanh tra 2011)	255.410.515	255.410.515
Đinh Thị Trung - cân chờ mù cao su	9.350.000	-
Nguyễn Thị Tú - vận chuyển mù cao su	48.000.000	-
Nguyễn Văn Cường - bóc Xếp và dán tem	21.640.000	-
Nguyễn Đăng Năm - lãi vay vốn SX	29.233.620	-
Cộng (*)	915.221.164	520.509.719

Ghi chú: (*)Số dư công nợ chưa nhận được thư xác nhận là 915.221.164 VND

16. Vay dài hạn

	<u>Đầu năm</u>	<u>Vay trong năm</u>	<u>Đã trả trong năm</u>	<u>Chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngân hàng	745.000.000	39.600.976.000	500.000.000	5.745.000.000	34.100.976.000
Ngân hàng NN&PT					
Nông Thôn Bến Cát	745.000.000	19.808.256.000	500.000.000	4.245.000.000	15.808.256.000
HĐ vay số CSBD/2012-TH/HĐTD	-	19.808.256.000	-	4.000.000.000	15.808.256.000
HĐ vay số 10.1402.0002/HĐTD	745.000.000	-	500.000.000	245.000.000	-
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam	-	19.792.720.000	-	1.500.000.000	18.292.720.000
Vay theo chương trình 327	1.228.500.000	-	-	-	1.228.500.000
Cộng	1.973.500.000	39.600.976.000	500.000.000	5.745.000.000	35.329.476.000

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Ngân hàng NN&PT Nông Thôn Bến Cát

Hợp đồng vay số CSBD/2012-TH/HĐTD ngày 06 tháng 08 năm 2012

- + Hạn mức vay : 20.000.000.000 VND
- + Số dư nợ vay cuối năm : 15.808.256.000 VND
- + Lãi vay : 15%/ năm
- + Thời hạn vay : 60 tháng
- + Mục đích vay : Xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su
- + Tài sản bảo đảm : Theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền trên đất số 57/HĐTC/09-BS-2012

Hợp đồng vay số 10.1402.0002/HĐTD ngày 11 tháng 02 năm 2010

- + Hạn mức vay : 745.000.000 VND
- + Số dư nợ vay cuối năm : 0 VND
- + Lãi vay : 12%/ năm
- + Thời hạn vay : 46 tháng
- + Mục đích vay : Chăm sóc cây xanh cao su kiến thiết cơ bản
- + Tài sản bảo đảm : Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 57/HĐTC/09 ngày 08/09/2009

Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam BIDV

Hợp đồng vay số 01/4147269/VB.HĐTD ngày 25 tháng 04 năm 2012

- + Hạn mức vay : 20.000.000.000 VND
- + Số dư nợ vay cuối năm : 18.292.720.000 VND
- + Lãi vay : Theo từng kế ước nhận nợ
- + Thời hạn vay : 60 tháng
- + Mục đích vay : Đầu tư xây dựng nhà xưởng và mua MMTB cho nhà máy chế biến cao su Cây Trường
- + Tài sản bảo đảm : Tài sản hình thành từ vốn vay

Tất cả khoản vay này đều được chuyển trả trực tiếp cho các nhà cung cấp- xây dựng công trình

17. Vốn đầu tư chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30.803.835.167	3.539.447.890	-	34.343.283.057
1. Vốn ngân sách	28.783.900.443	3.539.447.890	-	32.323.348.333
2. Vốn hộ nhận khoán	2.019.934.724	-	-	2.019.934.724
II. Lợi nhuận chưa phân phối	-	8.063.925.480	8.063.925.480	-
III. Các quỹ	14.419.215.896	2.713.409.223	-	17.132.625.119
1. Quỹ đầu tư phát triển	10.470.580.304	2.036.171.428	-	12.506.751.732
2. Quỹ dự phòng tài chính	3.948.635.592	677.237.795	-	4.625.873.387
Tổng cộng	45.223.051.063	14.316.782.593	8.063.925.480	51.475.908.176

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

18. Lợi nhuận chưa phân phối

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối phát sinh trong kỳ	8.063.925.479	25.253.959.768
Điều chỉnh tăng lợi nhuận	198.715.882	
Điều chỉnh giảm lợi nhuận	14.944.714	4.153.286
Lợi nhuận còn lại phân phối trong kỳ	8.247.696.647	25.249.806.482
Chia lợi nhuận cho hộ nhận khoán	1.475.318.695	4.579.573.709
Lợi nhuận còn lại để phân phối (Theo TT-138)	6.772.377.952	20.670.232.773
- Trích Quỹ dự phòng tài chính	677.237.795	2.067.023.277
- Số lợi nhuận còn lại phân phối các quỹ	6.095.140.157	18.603.209.496
+ Bổ sung vốn nhà nước	3.539.447.889	12.043.717.827
+ Quỹ đầu tư phát triển	1.982.243.288	5.954.609.436
+ Quỹ thưởng BQL điều hành	127.784.613	200.000.000
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi	445.664.367	404.882.233
Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang kỳ sau	-	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu mủ cao su chưa qua chế biến	31.092.708.692	56.899.027.327
- Doanh thu hộ nhận khoán	16.172.373.498	30.754.714.989
- Doanh thu tự khai thác	14.920.335.194	26.144.312.338
Doanh thu mủ cao su qua chế biến	34.385.760.000	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	65.478.468.692	56.899.027.327

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán mủ cao su chưa qua chế biến	20.440.692.639	18.514.421.201
Giá vốn bán thành phẩm cao su qua chế biến	26.313.637.992	-
Cộng	46.754.330.631	18.514.421.201

3. Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi	10.641.900	21.995.214
Tiền công trái trả năm 2011	337.000	-
Cộng	10.978.900	21.995.214

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay ngân hàng	1.073.102.580	1.039.585.485
<i>Ngân hàng Nông Nghiệp Phát Triển Nông Thôn</i>	<i>946.327.567</i>	<i>1.039.585.485</i>
<i>Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam</i>	<i>126.775.013</i>	-
Chi phí lãi vay cá nhân	625.381.520	382.693.783
Cộng	1.698.484.100	1.422.279.268

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	3.070.365.909	2.750.763.371
Chi phí vật liệu	760.914.951	455.338.500
Chi phí đồ dùng văn phòng	338.350.834	284.074.218
Chi phí khấu hao	1.364.471.085	1.241.981.557
Thuế, phí, lệ phí	6.094.325	33.722.658
Chi phí dịch vụ mua ngoài	638.960.803	683.005.938
Chi phí bằng tiền khác	1.867.737.906	1.950.741.537
Cộng	8.046.895.813	7.399.627.779

6. Thu nhập khác

Thu nhập từ hộ nhận khoán (tiền bảo vệ và chi phí quản lý)	638.030.610	1.147.490.820
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	232.839.655	-
Thu nhập khác	10.665.072	1.000.000
Cộng	881.535.337	1.148.490.820

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.806.677.935
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	151.907.520
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	<i>72.451.000</i>
<i>Lãi suất vượt 150% lãi suất cơ bản</i>	<i>79.456.520</i>
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-
Tổng thu nhập chịu thuế năm nay	9.958.585.455
Thuế suất thuế TNDN	25%
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	2.489.646.364
Thuế TNDN được miễn giảm	746.893.909
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.742.752.455

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	<u>2.271.144.053</u>	<u>844.848.597</u>

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang còn nợ năm trước đã được thanh toán trong năm nay	<u>844.848.597</u>	<u>-</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Ông Vũ Duy Viên

Ông Trần Quyết Thắng

Mối quan hệ

Giám đốc

Kế toán trưởng

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Vũ Duy Viên		
Phải thu các khoản theo hợp đồng khoán trồng cao su	<u>84.833.840</u>	<u>-</u>

Ông Trần Quyết Thắng

Phải thu các khoản theo hợp đồng khoán trồng cao su	26.845.260	-
Thu các khoản theo hợp đồng khoán trồng cao su	<u>25.784.340</u>	<u>-</u>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Vũ Duy Viên		
Phải thu khác	<u>195.173.970</u>	<u>110.340.130</u>

Ông Trần Quyết Thắng

Phải thu khác	<u>48.595.628</u>	<u>47.534.708</u>
---------------	-------------------	-------------------

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của chủ đầu tư.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các công cụ tài chính

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền	22.882.302.359	6.088.417.953
Phải thu khách hàng	1.821.100.017	2.485.888.655
Các khoản phải thu khác	4.851.101.011	4.929.501.883
Cộng	29.554.503.387	13.503.808.491
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	62.188.670.334	8.658.000.000
Phải trả người bán	13.596.936.562	987.787.360
Chi phí phải trả	-	15.000.000
Các khoản phải trả khác	890.733.339	520.509.719
Cộng	76.676.340.235	10.181.297.079

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường của Công ty bao gồm 2 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, giá vốn hàng bán.

Các khoản vay Ngân hàng của đơn vị lãi suất theo từng kế ước nhận nợ do đó chịu ảnh hưởng của biến động lãi suất thị trường. Năm 2012, lãi suất tương đối ổn định nên rủi ro lãi suất ở mức thấp.

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Năm 2012, giá mù cao su trên thị trường trong nước và quốc tế có nhiều biến động làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, vay và các công cụ tài chính khác).

Đối với khoản phải thu khách hàng: Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với một số khách hàng quen thuộc có khả năng tài chính tốt.

Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Số cuối năm

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Vay và nợ	32.604.194.334	29.584.476.000	-	62.188.670.334
Phải trả người bán	13.453.997.799	142.938.763	-	13.596.936.562
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	370.223.620	520.509.719	-	890.733.339
Cộng	46.428.415.753	30.247.924.482	-	76.676.340.235

Số đầu năm

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Vay và nợ	6.684.500.000	1.973.500.000	-	8.658.000.000
Phải trả người bán	844.848.597	142.938.763	-	987.787.360
Chi phí phải trả	15.000.000	-	-	15.000.000
Các khoản phải trả khác	257.054.204	263.455.515	-	520.509.719
Cộng	7.801.402.801	2.379.894.278	-	10.181.297.079

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số cuối năm

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Tiền	22.882.302.359	-	-	22.882.302.359
Phải thu khách hàng	1.821.100.017	-	-	1.821.100.017
Các khoản phải thu khác	3.673.388.028	1.177.712.983	-	4.851.101.011
Cộng	28.376.790.404	1.177.712.983	-	29.554.503.387

Số đầu năm

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Tiền	6.088.417.953	-	-	6.088.417.953
Phải thu khách hàng	2.485.888.655	-	-	2.485.888.655
Các khoản phải thu khác	4.371.824.622	557.677.261	-	4.929.501.883
Cộng	12.946.131.230	557.677.261	-	13.503.808.491

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Biên bản kiểm tra thuế năm 2008 – 2011 của Cục thuế tỉnh Bình Dương và Biên bản thanh tra số 317/KLTTr-STC của Sở Tài chính tỉnh Bình Dương.

Ảnh hưởng của việc thay đổi số liệu theo Biên bản kiểm tra thuế năm 2008 – 2011 của Cục thuế tỉnh Bình Dương và Kết luận thanh tra số 317/KLTTr-STC của Sở Tài chính thuộc UBND tỉnh Bình Dương.

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu theo Thanh tra	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán				
Tài sản		38.550.372.053	39.624.691.437	1.074.319.384
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		<i>3.165.254.775</i>	<i>4.929.827.856</i>	<i>1.764.573.081</i>
Các khoản phải thu khác	135	3.677.881.159	4.929.827.856	1.251.946.697
Dự phòng phải thu khó đòi	139	(512.626.384)	-	512.626.384
<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>		<i>193.105.000</i>	<i>311.767.322</i>	<i>118.662.322</i>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	193.105.000	311.767.322	118.662.322
<i>Tài sản cố định</i>		<i>35.192.012.278</i>	<i>34.383.096.259</i>	<i>(808.916.019)</i>
Tài sản cố định hữu hình	221	23.211.209.636	23.150.356.386	(60.853.250)
Nguyên giá	222	29.759.589.099	29.934.989.023	175.399.924
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(6.548.379.463)	(6.784.632.637)	(236.253.174)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11.980.802.642	11.232.739.873	(748.062.769)
Nguồn vốn		47.243.478.319	48.317.797.703	1.074.319.384
<i>Nợ ngắn hạn</i>		<i>2.827.038.459</i>	<i>2.861.906.985</i>	<i>34.868.526</i>
Người mua trả tiền trước	313	-	78.192.403	78.192.403

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu theo Thanh tra	Chênh lệch
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	1.027.324.389	1.134.055.629	106.731.240
Phải trả công nhân viên	315	1.103.982.254	1.153.584.954	49.602.700
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	265.099.204	520.509.719	255.410.515
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	430.632.612	(24.435.720)	(455.068.332)
Nợ dài hạn		296.843.860	232.839.655	(64.004.205)
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	296.843.860	232.839.655	(64.004.205)
Vốn chủ sở hữu		44.119.596.000	45.223.051.063	1.103.455.063
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	29.576.062.734	30.803.835.167	1.227.772.433
Quỹ đầu tư phát triển	417	10.663.298.450	10.470.580.304	(192.718.146)
Quỹ dự phòng tài chính	418	3.880.234.817	3.948.635.592	68.400.775
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Giá vốn hàng bán	11	18.836.877.530	18.514.421.201	(322.456.329)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	7.599.282.184	7.399.627.779	(199.654.405)
Thu nhập khác	31	1.082.444.715	1.148.490.820	66.046.105
Chi phí khác	32	202.582.154	-	(202.582.154)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.372.494.105	5.479.225.345	106.731.240
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Khấu hao tài sản cố định	02	1.906.480.941	2.142.734.115	236.253.174
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(6.373.229.960)	(8.137.803.041)	(1.764.573.081)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(7.521.111.613)	(6.446.792.229)	1.074.319.384
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(170.568.709)	(289.231.031)	(118.662.322)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(7.131.388.273)	(6.558.725.428)	572.662.845



VŨ DUY VIÊN
Giám đốc

TRẦN QUYẾT THẮNG
Kế toán trưởng